

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 51
8. Phụ lục	52 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791 (số cũ là 059080) đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1.094.473.090.000 VND
Số cổ phiếu: 109.447.309 cổ phiếu
Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu phúc lợi cho người lao động cho các năm 2010, 2011 và 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCD2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02- 2010/GMD - HĐCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 49.743.600.000 VND tương đương với 4.974.360 cổ phiếu. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 08 tháng 3 năm 2002 với mã chứng khoán là GMD.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (84-8) 38 236 236
Fax : (84-8) 38 235 236
E-mail : info@gemadep.com.vn
Mã số thuế : 0301116791

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không,...



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.094.473.090.000 VND lên 1.144.216.690.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HDCĐ2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết số 02/DHCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Ngoài ra, Công ty cũng đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Sinokor Việt Nam cho đối tác Sinokor Hàn Quốc và chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 57).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 5 năm 2013 như sau:

– Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (05% lợi nhuận sau thuế)	5.187.493.887 VND
– Trích Dự phòng tài chính (05% lợi nhuận sau thuế)	5.187.493.887 VND
– Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (05% lợi nhuận sau thuế)	5.187.493.887 VND
– Trích Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị (03% lợi nhuận sau thuế)	3.112.496.332 VND
– Chia cổ tức (1.000 VND/cổ phiếu)	109.447.309.000 VND
Cộng	<u>128.122.286.993 VND</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ tên	Chức vụ
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gemadept tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0763/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẠN CHUYỀN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẠN CHUYỀN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vạn chuyên gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 01 tháng 8 năm 2013, từ trang 07 đến trang 57 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
M.S.Đ.Đ. 0100-2013-008-1
TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1161-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.994.339.568.045	1.929.402.399.565
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	292.203.762.364	236.926.587.737
1.	Tiền	111		292.203.762.364	226.324.337.737
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	10.602.250.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		556.878.597.784	546.587.945.816
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	671.619.252.667	644.361.091.599
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(114.740.654.883)	(97.773.145.783)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.047.453.328.264	1.052.495.710.805
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	347.413.817.009	319.150.861.819
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	55.685.198.785	49.193.243.351
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	656.046.949.470	695.844.242.635
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(11.692.637.000)	(11.692.637.000)
IV.	Hàng tồn kho	140		25.334.969.735	20.236.385.857
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	25.334.969.735	20.236.385.857
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		72.468.909.898	73.155.769.350
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	12.664.114.132	14.730.842.377
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.561.428.411	1.472.818.986
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.25	1.134.207.062	605.579.432
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	57.109.160.292	56.346.528.555

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.451.379.692.860	3.195.141.192.985
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37.000.000.000	37.000.000.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		497.965.307.803	536.506.406.187
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	449.156.619.007	483.466.936.692
	<i>Nguyên giá</i>	222		1.001.268.352.132	1.014.109.831.692
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(552.111.733.125)	(530.642.895.000)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.13	12.224.431.949	12.856.247.975
	<i>Nguyên giá</i>	228		17.477.345.023	17.492.719.327
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.252.913.074)	(4.636.471.352)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	36.584.256.847	40.183.221.520
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.15	221.363.977.711	227.310.035.803
	<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(58.084.462.084)	(52.138.403.992)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.650.878.423.118	2.350.525.680.978
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.16	1.675.346.024.505	1.310.987.722.752
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	727.571.361.279	807.526.222.779
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	451.007.943.094	391.355.943.094
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(203.046.905.760)	(159.344.207.647)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		44.171.984.228	43.799.070.017
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	756.537.108	643.192.897
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.21	43.415.447.120	43.155.877.120
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.445.719.260.905	5.124.543.592.550

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.501.037.151.034	1.230.421.828.034
I. Nợ ngắn hạn		310		804.159.102.312	755.387.401.013
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.22	424.683.255.705	375.702.950.711
2. Phải trả người bán		312	V.23	103.015.557.823	93.275.893.156
3. Người mua trả tiền trước		313	V.24	9.827.178.184	24.023.852.801
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.25	4.231.368.106	2.872.921.877
5. Phải trả người lao động		315	V.26	4.431.293.198	8.134.906.847
6. Chi phí phải trả		316	V.27	26.869.841.681	16.174.003.633
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.28	226.205.471.352	233.627.937.776
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320	V.29	1.574.934.213	1.574.934.213
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.30	3.320.202.050	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		696.878.048.722	475.034.427.021
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.31	19.759.191.578	21.145.684.163
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.32	677.118.857.144	453.888.742.858
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		3.944.682.109.871	3.894.121.764.516
I. Vốn chủ sở hữu		410		3.944.682.109.871	3.894.121.764.516
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.33	1.144.216.690.000	1.094.473.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.33	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.33	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.33	34.616.898.799	29.429.404.912
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	V.33	31.502.833.892	26.315.340.005
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.33	193.482.829.878	203.041.072.297
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		5.445.719.260.905	5.124.543.592.550

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.159.146.545	2.159.146.545
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.261.237,73	572.666,55
Euro (EUR)		1.082,51	1.082,04
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2013

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	487.884.095.949	661.116.290.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	487.884.095.949	661.116.290.822
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	451.375.616.509	660.324.106.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.508.479.440	792.184.480
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	223.318.319.134	129.520.818.959
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	110.262.211.308	93.312.079.071
Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.675.374.313	39.860.652.668
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.338.042.674	2.163.274.944
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	33.420.301.334	48.065.279.829
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		112.806.243.258	(13.227.630.405)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	13.233.146.715	126.026.367.959
12. Chi phí khác	32	VI.8	7.180.123.769	106.484.026.903
13. Lợi nhuận khác	40		6.053.022.946	19.542.341.056
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		118.859.266.204	6.314.710.651
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	295.221.631	11.279.103.001
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>118.564.044.574</u>	<u>(4.964.392.350)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2013

Trương Như Nguyên
Người lập biểuNguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởngĐỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		118.859.266.204	6.314.710.651
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13, 15	40.669.198.332	48.254.986.068
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 19	60.670.207.213	(1.189.283.425)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	10.928.371.464	(7.009.322)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7, 8	(226.680.105.793)	(138.201.474.440)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	36.675.374.313	39.860.652.668
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.122.311.733	(44.967.417.800)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(53.441.109.761)	276.038.970.303
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.098.583.878)	28.897.898.070
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.597.906.084)	(74.275.172.961)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.216.336.576	4.473.443.318
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27; VI.4	(25.354.943.558)	(42.898.864.588)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(1.144.340.385)	(1.436.987.773)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.929.384.607	16.234.034.629
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.121.242.494)	(15.459.581.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(48.490.093.244)	146.606.322.172
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, 14	(984.422.621)	(2.329.076.868)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.977.106.544	112.290.922.085
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(76.676.550.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	191.924.088.945
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(324.720.717.500)	(319.340.778.630)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		208.064.768.226	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	93.291.346.687	96.954.337.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(90.048.468.664)	76.499.492.683

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.33	49.743.600.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22, 32; VII	477.185.188.188	466.068.541.004
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22	(333.113.051.654)	(673.184.519.915)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(65.074.274.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		193.815.736.534	(272.190.252.911)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		55.277.174.627	(49.084.438.056)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	236.926.587.737	265.372.942.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	292.203.762.364	216.288.504.824

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2013


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 308 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 306 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.094.473.090.000 VND lên 1.144.216.690.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCD2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết số 02/ĐHCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Ngoài ra, Công ty cũng đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Sinokor Việt Nam cho đối tác Sinokor Hàn Quốc và chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2012 :	20.809 VND/USD
		27.365 VND/EUR
		16.866 VND/SGD
		6.759 VND/MYR
		240 VND/JPY
		2.662 VND/HKD
		33.469 VND/GBP
	30/6/2013 :	21.124 VND/USD
		27.408 VND/EUR
		16.573 VND/SGD
		6.611 VND/MYR
		212 VND/JPY
		2.681 VND/HKD
		672 VND/TBH

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. **Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu**

Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu là khoản nợ có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của bên cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của khoản nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và tiền lãi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của các khoản vay tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của các khoản vay tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ chuyển đổi được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của nợ chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị phần nợ của khoản nợ chuyển đổi thành cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Sau ghi nhận ban đầu, tiền lãi phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi.

Khi đáo hạn, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của khoản vay theo phương pháp lãi suất thực tế.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.538.938.861	3.771.117.465
Tiền gửi ngân hàng	286.149.197.000	220.620.482.927
Tiền đang chuyển	1.515.626.503	1.932.737.345
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	-	10.602.250.000
Cộng	292.203.762.364	236.926.587.737

⁽ⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	164.674.867.330	161.524.867.330
- Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	14.234.321.100
- Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam	19.800.000.000	19.800.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ⁽ⁱ⁾	94.971.030.000	94.971.030.000
- Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.490.628.000	31.490.628.000
- Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức ⁽ⁱⁱ⁾	3.150.000.000	-
- Các công ty khác	1.028.888.230	1.028.888.230
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	24.544.385.337	436.224.269
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	2.369.835.337	436.224.269
- Cho vay ngắn hạn	22.174.550.000	-
Cộng	<u>671.619.252.667</u>	<u>644.361.091.599</u>

(i) Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt đang bị phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

(ii) Cổ phiếu Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức tăng do chuyển từ đầu tư dài hạn khác.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	97.773.145.783
Trích lập dự phòng bổ sung	16.967.509.100
Số cuối kỳ	<u>114.740.654.883</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	342.955.264.522	316.872.415.209
Dịch vụ cho thuê tài sản	4.458.552.487	2.278.446.610
Cộng	<u>347.413.817.009</u>	<u>319.150.861.819</u>

Các khoản phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 23.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.22).

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	24.333.445.667	15.000.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	28.130.000.000	28.130.000.000
Công ty TNHH một thành viên Ba Sơn	-	3.046.349.174
Các nhà cung cấp khác	3.221.753.118	3.016.894.177
Cộng	<u>55.685.198.785</u>	<u>49.193.243.351</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	21.668.830.336	14.950.773.013
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.200.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	575.633.421.458	571.535.169.870
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	254.495.482.007	219.037.148.253
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án cao su	35.644.447.484	35.112.919.319
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	35.000.000.000	35.000.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền cho mượn, chi hộ	117.691.673.345	140.565.300.184
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền cho mượn	44.500.000.000	54.200.000.000
- Gemadept (Singapore) Ltd.- tiền chi hộ	44.570.295.653	38.927.878.445
- Grand Pacific Shipping - tiền chi hộ	5.609.215.052	2.669.659.783
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ – tiền cho mượn	-	8.700.000.000
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ – tiền cho mượn, chi hộ	9.000.000.000	6.400.000.000
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền cho mượn	19.442.995.032	21.270.193.418
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	14.269.722	1.193.727.457
- Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyên – chi hộ	6.128.187.500	6.128.187.500
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	3.536.855.663	2.330.155.511
Cổ tức, lợi nhuận được chia	41.827.652.027	91.690.071.930
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	7.650.520.931	275.801.222
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà – Tiền cho mượn	-	1.600.000.000
Các khoản phải thu khác	6.266.524.718	12.592.426.600
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.478.250.340	4.478.250.340
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.177.618.427
- Các khoản phải thu khác	1.788.274.378	5.936.557.833
Cộng	656.046.949.470	695.844.242.635

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	692.637.000	692.637.000
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	11.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	11.692.637.000	11.692.637.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

Nhiên liệu tồn trên tàu.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê tàu	-	5.643.000.000
Chi phí sửa chữa	9.733.602.710	5.637.669.368
Chi phí bảo hiểm	1.040.112.039	1.362.803.572
Công cụ, dụng cụ	876.454.255	1.523.139.645
Chi phí khác	1.013.945.128	564.229.792
Cộng	12.664.114.132	14.730.842.377

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	50.424.004.324	50.940.100.287
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	6.685.155.968	5.406.428.268
Cộng	57.109.160.292	56.346.528.555

11. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ do quyền sử dụng được cấp vĩnh viễn.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 406.184.675.685 VND và 258.066.821.358 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (xem thuyết minh số V.22 và V.32).

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.352.483.410	10.140.235.917	17.492.719.327
Điều chỉnh theo Thông tư 45	-	(15.374.304)	(15.374.304)
Số cuối kỳ	7.352.483.410	10.124.861.613	17.477.345.023
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	313.076.907	313.076.907

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	4.636.471.352	4.636.471.352
Khấu hao trong kỳ	-	629.191.630	629.191.630
Điều chỉnh theo Thông tư 45	-	(12.749.908)	(12.749.908)
Số cuối kỳ	-	5.252.913.074	5.252.913.074
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.352.483.410	5.503.764.565	12.856.247.975
Số cuối kỳ	7.352.483.410	4.871.948.539	12.224.431.949
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu có nguyên giá bằng giá trị còn lại theo sổ sách là 906.555.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.22).

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	32.661.615.601	59.479.500		32.721.095.101
XDCB dở dang	7.521.605.919	-	(3.658.444.173)	3.863.161.746
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-	(3.658.444.173)	-
- Các dự án khác	1.168.682.655	-	-	1.168.682.655
Cộng	40.183.221.520	59.479.500	(3.658.444.173)	36.584.256.847

Các chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.22).

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	52.138.403.992	227.310.035.803
Tăng trong kỳ	-	5.946.058.092	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	58.084.462.084	221.363.977.711

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	43.534.105.941	41.301.505.284
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	14.756.628.471	13.417.956.867
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

16. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	78,60	78,60	39.780.000.000	39.780.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	5.000.000.000	5.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội ⁽ⁱ⁾	55,00	9,43	2.343.651.753	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	11,44	68.650.000.000	52.271.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	64,78	368.278.278.630	313.869.778.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	7,62	79.201.700.000	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ ^(v)	35,00	54,66	218.625.450.000	-
Cộng			1.675.346.024.505	1.310.987.722.752

- (i) Vốn đầu tư vào Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội giảm do Công ty này giảm vốn điều lệ.
- (ii) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.32).
- (iv) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (v) Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ với số tiền là 113.625.450.000 VND. Khoản đầu tư này được chuyển từ Công ty liên doanh, liên kết sang.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty MBN - GMD Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	-	-	1.534.080.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam ⁽ⁱ⁾	49,00	49,00	5.110.700.000	-
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	32.206.940.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	10,94	18.264.608.143	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000	11.882.010.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000	29.375.000.000
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ⁽ⁱⁱⁱ⁾	41,67	41,67	351.750.000.000	351.750.000.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd ^(iv)	40,00	18,26	44.473.963.136	43.478.595.636
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ ^(v)	-	-	-	105.000.000.000
Cộng			727.571.361.279	807.526.222.779

(i) Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

(ii) Giảm do chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp.

(iii) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25 % cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).

(iv) Tăng do góp vốn bổ sung.

(v) Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ với số tiền là 113.625.450.000 VND. Khoản đầu tư này được chuyển sang trình bày khoản đầu tư vào Công ty con.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	168.734.041.600	171.884.041.600
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	165.581.032.000
- Công ty cổ phần vận tải đa phương thức	3.153.009.600	3.153.009.600
- Công ty cơ điện Thủ Đức ⁽ⁱ⁾	-	3.150.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	66.011.901.494	66.011.901.494
- Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	12.635.901.494	12.635.901.494
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	32.500.000.000
- Các công ty khác	20.876.000.000	20.876.000.000
Cho vay dài hạn	216.262.000.000	153.460.000.000
- Cho Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept vay với thời hạn 05 năm và lãi suất 9,8%/năm	103.460.000.000	103.460.000.000
- Cho Công ty cổ phần Cảng Nam Hải vay với thời hạn 05 năm và lãi suất 9,8%/năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cho Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ vay với thời hạn vay 05 năm và lãi suất 10%/năm	62.802.000.000	-
Cộng	451.007.943.094	391.355.943.094

(i) Cổ phiếu Công ty cơ điện Thủ Đức giảm do chuyển sang đầu tư ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	46.307.972.560	47.990.971.240
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	102.337.403.767	65.856.891.972
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	49.268.300.293	40.745.532.449
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	5.133.229.140	4.750.811.986
Cộng	<u>203.046.905.760</u>	<u>159.344.207.647</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	159.344.207.647
Trích lập dự phòng bổ sung	43.702.698.113
Số cuối kỳ	<u>203.046.905.760</u>

20. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí trang trí nội thất	643.192.897	-	(167.789.448)	475.403.449
Phần mềm kế toán	-	121.550.000	(15.193.749)	106.356.251
Chi phí khác	-	182.700.239	(7.922.831)	174.777.408
Cộng	<u>643.192.897</u>	<u>304.250.239</u>	<u>(190.906.028)</u>	<u>756.537.108</u>

21. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	844.960.000	832.360.000
Ký quỹ thuê tàu	42.248.000.000	41.618.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh	-	416.180.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	322.487.120	289.337.120
Cộng	<u>43.415.447.120</u>	<u>43.155.877.120</u>

22. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	146.072.628.030	219.182.172.339
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	67.856.235.410	60.380.628.789
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	72.681.454.215	131.740.624.698
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.534.938.405	13.282.589.203
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	13.778.329.649
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	227.182.056.247	105.092.206.944
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(iv)	227.182.056.247	103.086.206.944



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	-	2.006.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.32)	51.428.571.428	51.428.571.428
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	39.428.571.428	39.428.571.428
Cộng	424.683.255.705	375.702.950.711

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistics. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu;
 - Các tàu Phước Long 28, 30, 32, 34.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 16, 18, 20, 22, 24, 26.
- (iv) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link với lãi suất là 0,5%/ năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tăng khác	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	219.182.172.339	233.798.788.188	-	490.433.443	(307.398.765.939)	-	146.072.628.031
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	105.092.206.944	-	-	3.242.707.960	-	118.847.141.343	227.182.056.247
Vay dài hạn đến hạn trả	51.428.571.428	-	25.714.285.714	-	(25.714.285.715)	-	51.428.571.427
Cộng	375.702.950.711	233.798.788.188	25.714.285.714	3.733.141.402	(333.113.051.654)	118.847.141.343	424.683.255.705

23. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	4.346.099.346	6.105.581.463
- Công ty TNHH cảng Phước Long	2.830.822.632	3.708.275.015
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	1.279.990.064	1.630.944.491
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	164.079.674	71.138.815
- Các công ty con, liên kết, hợp tác khác	71.206.976	695.223.142
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	98.669.458.477	87.170.311.693
Cộng	103.015.557.823	93.275.893.156

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	5.956.758.768	2.513.433.385
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	3.870.419.416	21.510.419.416
Cộng	9.827.178.184	24.023.852.801

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	931.984.483	10.610.444.060	(9.602.764.580)	1.939.663.963
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	135.108.452	(135.108.452)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	30.938.074	(30.938.074)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾⁽ⁱⁱ⁾	(605.579.432)	633.177.813	(850.941.332)	(823.342.951)
Thuế thu nhập cá nhân	339.479.400	2.833.596.102	(2.865.092.594)	307.982.908
Thuế môn bài ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	8.000.000	(8.900.000)	(900.000)
Các loại thuế khác				
- Thuế cước	-	219.596.121	(162.742.124)	56.853.997
- Thuế nhà thầu	1.516.081.538	9.287.581.879	(8.965.287.573)	1.838.375.844
- Thuế khác ^(**)	-	149.243.999	(459.208.110)	(309.964.111)
Cộng	2.181.965.989	23.907.686.500	(23.080.982.839)	3.008.669.650

⁽ⁱ⁾ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là số thuế truy thu theo Quyết định số 309/QĐ-TCT ngày 19 tháng 02 năm 2013.

⁽ⁱⁱ⁾ Các khoản thuế được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	85.376.456	296.513.991	(293.399.053)	88.491.394
Cộng	85.376.456	296.513.991	(293.399.053)	88.491.394

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm khoản điều chỉnh trình bày số dư đầu năm do chênh lệch tỷ giá là 1.292.401 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Chi nhánh Campuchia nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	20.392.174.736	9.071.743.981
Chi phí khác	6.477.666.945	7.102.259.652
Cộng	26.869.841.681	16.174.003.633

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.379.747.185	1.576.439.339
Cổ tức phải trả	109.706.151.000	258.842.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.376.967.951	1.529.041.081
Doanh thu chưa thực hiện	1.840.068.170	4.003.501.857
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn động tại cảng biển	-	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	19.099.927.568	12.643.617.567
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	83.042.346.922	201.260.341.398
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link – tiền mượn	-	120.853.141.332
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ	10.234.422.844	10.276.760.911
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept - tiền mượn	3.920.884.393	10.227.370.790
- Gemadept (Singapore) Co., Ltd. - tiền mượn	43.563.813.959	43.679.739.392
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền mượn	10.293.585.975	10.293.585.975

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	5.005.727.042	5.000.000.000
- Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	9.079.000.000	-
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	944.912.709	929.742.998
Các khoản phải trả khác	9.760.262.556	10.639.912.625
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	495.583.979	1.375.234.048
Cộng	<u>226.205.471.352</u>	<u>233.627.937.776</u>

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm ^(*)	(2.177.618.427)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.299.990.219
Chi quỹ trong kỳ	(2.802.169.742)
Số cuối kỳ	<u>3.320.202.050</u>

^(*) Số dư đầu năm đang được trình bày khoản mục “Các khoản phải thu khác”.

31. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

32. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	170.142.857.144	195.857.142.858
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ⁽ⁱ⁾	42.000.000.000	48.000.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	128.142.857.144	147.857.142.858
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P ⁽ⁱⁱⁱ⁾	506.976.000.000	258.031.600.000
Cộng	<u>677.118.857.144</u>	<u>453.888.742.858</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Genadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:
- Hạn mức vay : USD 40,000,000
- Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
- Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng này được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
- Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
- Mục đích vay : - Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.
- Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.
- Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
- Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
 - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	221.571.428.571	51.428.571.427	170.142.857.144	-
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu	506.976.000.000	-	506.976.000.000	-
Cộng	<u>728.547.428.571</u>	<u>51.428.571.427</u>	<u>677.118.857.144</u>	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	195.857.142.858	-	(25.714.285.714)	-	170.142.857.144
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu	258.031.600.000	243.386.400.000	-	5.558.000.000	506.976.000.000
Cộng	<u>453.888.742.858</u>	<u>243.386.400.000</u>	<u>(25.714.285.714)</u>	<u>5.558.000.000</u>	<u>677.118.857.144</u>

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu phúc lợi cho người lao động cho các năm 2010, 2011 và 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCD2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02- 2010/GMD - HĐCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 49.743.600.000 VND tương đương với 4.974.360 cổ phiếu. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.421.669	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	444.349.990.008	619.814.785.538
Doanh thu cho thuê văn phòng	43.534.105.941	41.301.505.284
Cộng	487.884.095.949	661.116.290.822

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	436.618.988.038	646.906.149.475
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	14.756.628.471	13.417.956.867
Cộng	451.375.616.509	660.324.106.342

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	316.272.211	381.346.109
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	108.015.774	12.246.633.030
Lãi tiền gửi ký quỹ	-	59.876.238
Lãi cho vay vốn	12.524.229.731	986.381.984
Lãi đầu tư chứng khoán	-	8.242.105.590
Lãi thanh lý Công ty liên kết	169.753.490.979	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.171.400.988	103.469.056.841
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.267.366.930	3.157.892.950
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.009.322
Doanh thu hoạt động tài chính khác	177.542.521	970.516.895
Cộng	223.318.319.134	129.520.818.959
4. Chi phí tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.675.374.313	39.860.652.668
Lỗ đầu tư chứng khoán	-	58.615.506.335
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.388.273.768	8.302.719.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.928.371.464	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	60.670.207.213	(13.466.799.340)
Chi phí tài chính khác	599.984.550	-
Cộng	110.262.211.308	93.312.079.071
5. Chi phí bán hàng		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.140.232	1.275.731.896
Chi phí khác	3.192.902.442	887.543.048
Cộng	3.338.042.674	2.163.274.944
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.171.342.327	18.149.103.442
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	199.945.149	149.128.480
Chi phí đồ dùng văn phòng	471.420.490	298.872.053
Chi phí khấu hao tài sản	3.032.891.974	3.443.295.868
Thuế, phí và lệ phí	13.344.000	7.750.000
Chi phí dự phòng	-	12.277.515.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.852.608.318	10.200.553.053
Chi phí khác	1.678.749.076	3.539.061.018
Cộng	33.420.301.334	48.065.279.829
7. Thu nhập khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.662.396.544	125.252.082.173
Các khoản thu nhập khác	2.570.750.171	774.285.786
Cộng	13.233.146.715	126.026.367.959

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	880.984.050	90.936.203.418
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	12.876.352.408
Chi phí dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-
Các khoản chi phí khác	2.640.695.546	2.671.471.077
Cộng	7.180.123.769	106.484.026.903

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134.642.278.583	243.338.625.019
Chi phí nhân công	42.991.095.334	44.517.614.042
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.705.970.377	48.255.258.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.079.794.219	353.493.626.046
Chi phí khác	9.714.822.004	20.947.537.727
Cộng	488.133.960.517	710.552.661.115

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	35.629.807.680
Lãi tiền gửi nhập gốc	-	1.893.521.185
Chuyển khoản tiền cho mượn sang khoản vay	120.853.141.343	-
Cần trừ khoản vay với tiền thu hồi khoản góp vốn với Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	(2.006.000.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết bảo lãnh

Công ty sử dụng 04 cầu Liebherr đang ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 63.479.579.200 VND và 59.787.093.592 VND để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn. Theo đó Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 59.097.088.151 VND và số tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số tiền gốc này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.628.296.000	1.400.398.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	92.610.000	68.475.000
Tiền thưởng	234.800.000	234.800.000
Thu nhập khác	-	24.000.000
Cộng	1.955.706.000	1.727.673.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Grand Pacific Shipping Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH vận tải Liên Ước Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biên Sáng	Công ty con
Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tin	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Doanh thu dịch vụ	-	420.224.363
Chi phí dịch vụ	-	47.000.000
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Lãi góp vốn liên doanh	-	2.494.000.000
Cho mượn tiền	300.000.000	-
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Chi phí dịch vụ đại lý	535.352.207	1.064.438.353
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản chi hộ phải thu	5.650.416.558	2.052.326.761
Chi phí dịch vụ	13.166.762.002	49.147.613.053
Các khoản phải trả do đã được chi hộ mua vật tư, phụ tùng	-	10.681.078.069
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội</i>		
Lãi vay	58.407.500	-
Thu hồi vốn góp	2.343.651.753	-
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Cho mượn tiền	111.230.000.000	70.330.000.000
Cho thuê tài sản, thanh lý tài sản cố định	17.640.000.000	24.319.731.636
Chi phí dịch vụ	30.453.460.061	45.352.284.065
Chi hộ (lương, bảo hiểm xã hội)	27.495.161	37.457.015
Chi hộ khác	761.649.121	-
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Lợi nhuận được chia	13.000.000.000	20.000.000.000
Chi hộ	39.214.693	2.912.297.181



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	191.485.956	280.952.320
Góp vốn đầu tư	55.000.000.000	-
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương		
Góp vốn	79.201.700.000	-
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	1.735.560.000	-
Công ty Golden Globe Co., Ltd.		
Góp vốn	995.367.500	-
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	1.031.305.231	-
Góp vốn	5.110.700.000	-
Cổ tức được chia	2.479.549.578	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công ty còn dùng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc tối đa là 59.097.088.151 VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số VIII.1).

Ngoài ra, Công ty liên quan đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và VI Fund II, L.P (xem thuyết minh số V.22 và V.32).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Cho mượn tiền	44.500.000.000	54.200.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Phải thu khách hàng	9.100.555.539	11.631.065.927
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Phải thu khách hàng	205.280.398.114	204.158.122.365
Lợi nhuận được chia	-	14.566.300.000
Các khoản chi hộ	44.570.295.653	38.927.878.445
Ký quỹ thuê tàu	42.248.000.000	41.220.000.000
Grand Pacific Shipping		
Phải thu khác	5.609.215.052	2.669.659.783
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Ứng trước tiền dịch vụ	3.870.419.416	-
Các khoản cho mượn, chi hộ	117.691.673.345	140.565.300.184
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Phải thu khách hàng	2.968.324.082	295.241.604

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ	713.433.862	470.193.418
Lợi nhuận được chia	13.000.000.000	20.000.000.000
Cho vay dài hạn	103.460.000.000	103.460.000.000
Cho mượn tiền	18.800.000.000	20.800.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải thu khách hàng	5.781.040.565	9.085.188.024
Các khoản chi hộ	14.269.722	1.193.727.457
Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ		
Phải thu khác	9.000.000.000	6.400.000.000
Lợi nhuận được chia	5.417.670.208	-
Phải thu khách hàng	2.160.000.000	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải thu khách hàng	599.559.604	-
Lợi nhuận được chia	20.468.688.241	53.382.788.236
Lãi vay phải trả	2.735.833.333	272.222.222
Phải thu khác	207.563.019	207.563.019
Cho vay dài hạn	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương		
Phải thu khác	144.707.023	66.116.350
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín		
Phải thu khác	2.047.051.578	1.063.326.099
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Phải thu khác	837.534.043	693.150.043
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương		
Chi hộ dự án cao su	254.495.482.007	241.141.626.333
Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Phải thu khách hàng	534.143.500	534.143.500
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Phải thu khách hàng	12.800.102	14.065.788
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Cho mượn	-	8.700.000.000
Lãi dự thu	4.594.687.597	-
Cho vay	72.176.550.000	-
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương		
Phải thu do chi hộ	35.644.447.484	35.112.919.319
Công ty TNHH TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Cổ tức phải thu	2.479.549.578	-
Cộng nợ phải thu	<u>1.198.463.892.667</u>	<u>1.061.130.598.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Các khoản phải trả khác	936.823.799	929.869.279
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản thu hộ tàu, mượn tiền	43.563.813.959	43.718.922.902
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	69.558.469	-
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội</i>		
Phải trả phí dịch vụ	-	527.402.778
Vay ngắn hạn	-	2.006.000.000
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải trả phí dịch vụ	2.830.822.632	3.708.275.015
Nhận ứng trước	-	21.510.419.416
<i>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept</i>		
Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Mượn tiền	3.920.884.393	10.227.370.790
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải trả phí dịch vụ	1.279.990.064	1.630.944.491
Các khoản mượn tiền, thu hộ phải trả	10.234.422.844	10.276.760.911
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Phải trả phí dịch vụ	164.079.674	71.138.815
<i>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải trả khác	9.079.000.000	-
<i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương</i>		
Mượn tiền	5.005.727.042	5.000.000.000
Phải trả dịch vụ	-	420.000
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Mượn tiền	-	120.853.141.332
Vay ngắn hạn	227.182.056.247	103.086.206.944
Cộng nợ phải trả	314.560.765.098	333.840.039.068

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Công ty cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Lĩnh vực khác: hoạt động trồng cao su tại Campuchia.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	339.954.628.293	463.136.377.562
Nước ngoài	147.929.467.656	197.979.913.260
Cộng	487.884.095.949	661.116.290.822

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong nước	1.236.815.194	2.329.076.868	1.968.927.499.133	2.398.566.044.378
Nước ngoài	-	-	266.555.191.293	182.072.074.837
Cộng	1.236.815.194	2.329.076.868	2.235.482.690.426	2.580.638.119.215

4. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	8.807.222.269	69.186.592.547
Trên 01 năm đến 05 năm	67.422.447.152	56.082.673.424
Cộng	76.229.669.421	125.269.265.971

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng quản lý rủi ro và phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay và các khoản phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty có liên quan vay tiền. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản chi hộ các công ty có liên quan, phải thu cổ tức hoặc lợi nhuận được chia và các khoản góp vốn hợp tác thực hiện các dự án. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu này là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.203.762.364	-	-	-	292.203.762.364
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.369.835.337	-	-	-	2.369.835.337
Phải thu khách hàng	335.721.180.009	11.000.000.000	-	692.637.000	347.413.817.009
Các khoản cho vay	238.436.550.000	-	-	-	238.436.550.000
Các khoản phải thu khác	743.147.552.558	-	-	-	743.147.552.558
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	48.288.911.094	-	-	833.531.899.330	881.820.810.424
Cộng	1.660.167.791.362	11.000.000.000	-	834.224.536.330	2.505.392.327.692
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.926.587.737	-	-	-	236.926.587.737
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	436.224.269	-	-	-	436.224.269
Phải thu khách hàng	307.458.224.819	11.000.000.000	-	692.637.000	319.150.861.819
Các khoản cho vay	153.460.000.000	-	-	-	153.460.000.000
Các khoản phải thu khác	779.228.929.596	-	-	-	779.228.929.596
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	48.288.911.094	-	-	833.531.899.330	881.820.810.424
Cộng	1.525.798.877.515	11.000.000.000	-	834.224.536.330	2.371.023.413.845

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	424.683.255.705	677.118.857.144	-	1.101.802.112.849
Phải trả người bán	103.015.557.823	-	-	103.015.557.823
Các khoản phải trả khác	271.454.757.426	-	-	271.454.757.426
Cộng	799.153.570.954	677.118.857.144	-	1.476.272.428.098
Số đầu năm				
Vay và nợ	384.774.694.692	453.888.742.858	-	838.663.437.550
Phải trả người bán	93.275.893.156	-	-	93.275.893.156
Các khoản phải trả khác	256.936.027.864	-	-	256.936.027.864
Cộng	734.986.615.712	453.888.742.858	-	1.188.875.358.570

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nhiên liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 30 tháng 6 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp và mua các dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR, SGD, MYR, JPY, GBP và HKD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 13.059.533.551 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.622.044.234 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước do Công ty có vay dài hạn của (Vietnam Investments) Fund II, L.P.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và SGD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 4.137.110.506 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 3.187.630.286 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, MYR, GBP, JPY, HKD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay và cho vay ngắn hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(520.592.720.706)	(3.514.173,08)	(258.031.600.000)	(4.953.924,12)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 10.411.854.414 VND.

Mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi đến lợi nhuận trước thuế là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

JB15
C TY
H HUU
VA TU
& C
THOC

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán ngắn hạn Công ty đang đầu tư tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Công ty sẽ tăng 4.235.177.420 VND và nếu giá các chứng khoán ngắn hạn Công ty đang đầu tư giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm 3.908.335.820 VND. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán năm nay giảm so với năm trước do Công ty đã cơ cấu lại danh mục đầu tư và bán các cổ phiếu đầu tư không hiệu quả.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán dài hạn Công ty đang đầu tư tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Công ty sẽ tăng 6.425.951.652 VND và nếu giá các chứng khoán dài hạn Công ty đang đầu tư giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm 5.620.602.732 VND. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán năm nay giảm so với năm trước do cổ phiếu của Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức chuyển sang trình bày đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Rủi ro về giá nhiên liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nhiên liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nhiên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua nhiên liệu và thực hiện các nghiệp vụ hedging giá dầu một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	23.000.000.000	23.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	118.810.760.760
Cộng	23.000.000.000	141.810.760.760

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.203.762.364	-	236.926.587.737	-	292.203.762.364	236.926.587.737
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.369.835.337	-	436.224.269	-	2.369.835.337	436.224.269
Phải thu khách hàng	347.413.817.009	(11.692.637.000)	319.150.861.819	(11.692.637.000)	335.721.180.009	307.458.224.819
Các khoản cho vay	238.436.550.000	-	153.460.000.000	-	238.436.550.000	154.244.593.848
Các khoản phải thu khác	743.147.552.558	-	779.228.929.596	-	743.147.552.558	779.228.929.596
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	881.820.810.424	(166.181.856.583)	881.820.810.424	(150.514.929.008)	715.638.953.841	731.305.881.416
Cộng	2.505.392.327.692	(177.874.493.583)	2.371.023.413.845	(162.207.566.008)	2.327.517.834.109	2.209.600.441.685

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	1.101.802.112.848	829.591.693.569	1.101.802.112.848	812.849.096.909
Phải trả người bán	103.015.557.823	93.275.893.156	103.015.557.823	93.275.893.156
Các khoản phải trả khác	271.454.757.426	266.007.771.845	271.454.757.426	266.007.771.845
Cộng	1.476.272.428.097	1.188.875.358.570	1.476.272.428.097	1.172.132.761.910

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và gia định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2013

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT


Địa chỉ: Số 6 Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	57.890.534.613	125.856.528.429	818.289.091.345	12.073.677.305	1.014.109.831.692
Mua sắm mới	-	-	873.085.455	51.857.666	924.943.121
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.302.058.242)	(5.312.187.200)	(30.112.000)	(11.644.357.442)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(155.660.564)	-	(1.966.404.675)	(2.122.065.239)
Số cuối kỳ	57.890.534.613	119.398.809.623	813.849.989.600	10.129.018.296	1.001.268.352.132
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	960.602.908	57.519.163.855	103.929.874.458	7.545.146.454	169.954.787.675
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	24.821.411.177	113.623.923.568	381.336.197.489	10.861.362.766	530.642.895.000
Khấu hao trong kỳ	327.829.777	3.220.242.019	30.253.136.742	292.740.072	34.093.948.610
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.770.761.291)	(4.962.500.101)	(30.112.000)	(10.763.373.392)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(142.990.982)	-	(1.718.746.111)	(1.861.737.093)
Số cuối kỳ	25.149.240.954	110.930.413.314	406.626.834.130	9.405.244.727	552.111.733.125
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	33.069.123.436	12.232.604.861	436.952.893.856	1.212.314.539	483.466.936.692
Số cuối kỳ	32.741.293.659	8.468.396.309	407.223.155.470	723.773.569	449.156.619.007
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	171.243.015.221	3.862.323.707.440
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	37.466.442.076	37.466.442.076
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(5.668.385.000)	(5.668.385.000)
Số dư cuối năm trước	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	203.041.072.297	3.894.121.764.516
Số dư đầu năm nay	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	203.041.072.297	3.894.121.764.516
Tăng vốn trong kỳ	49.743.600.000	-	-	-	-	-	49.743.600.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	118.564.044.574	118.564.044.574
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(109.447.309.000)	(109.447.309.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	5.187.493.887	5.187.493.887	(18.674.977.993)	(8.299.990.219)
Số dư cuối kỳ	1.144.216.690.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	34.616.898.799	31.502.833.892	193.482.829.878	3.944.682.109.871

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	444.349.990.008	43.534.105.941	-	-	487.884.095.949
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	444.349.990.008	43.534.105.941	-	-	487.884.095.949
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(29.027.342.038)	28.777.477.470	-	-	(249.864.568)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(249.864.568)
Doanh thu hoạt động tài chính					223.318.319.134
Chi phí tài chính					(110.262.211.308)
Thu nhập khác					13.233.146.715
Chi phí khác					(7.180.123.769)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(295.221.631)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					118.564.044.573
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.288.672.860	-	-	-	1.288.672.860
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	34.649.129.444	6.198.225.008	-	-	40.847.354.452
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thanh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	619.814.785.538	41.301.505.284	-	-	661.116.290.822
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	619.814.785.538	41.301.505.284	-	-	661.116.290.822
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(77.319.918.710)	27.883.548.417	-	-	(49.436.370.293)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(49.436.370.293)
Doanh thu hoạt động tài chính					129.520.818.959
Chi phí tài chính					(93.312.079.071)
Thu nhập khác					126.026.367.959
Chi phí khác					(106.484.026.903)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(11.279.103.001)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(4.964.392.350)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.735.385.910	593.690.958	-	-	2.329.076.868
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	45.724.460.138	6.340.023.418	-	-	52.064.483.556
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.840.668.158.863	254.479.155.677	67.415.212.047		2.162.562.526.587
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.283.156.734.318
Tổng tài sản					5.445.719.260.905
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.475.968.346.772	21.748.602.212	-		1.497.716.948.984
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					3.320.202.050
Tổng nợ phải trả					1.501.037.151.034
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.580.688.828.407	267.462.354.330	276.095.446.088		2.124.246.628.824
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.000.296.963.726
Tổng tài sản					5.124.543.592.550
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.205.166.237.657	22.910.656.164			1.228.076.893.821
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					2.344.934.213
Tổng nợ phải trả					1.230.421.828.034


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2013

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thanh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (GIỮA NIÊN ĐỘ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 04: Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau

	Số cuối kỳ						Số đầu năm							
	USD	EUR	SGD	MYR	GBP	JPY	HKD	USD	EUR	SGD	MYR	GBP	JPY	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.261.237,73	1.082,51	-	-	-	-	-	572.666,55	1.082,04	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.078,13	-	-	-	-	-	-	10.963,25	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	4.378.197,75	-	12.690.643,87	1.340.627,14	-	-	1.186.740,19	5.152.985,00	-	12.129.504,77	1.696.625,16	-	-	1.183.397,50
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	15.326.256,52	-	-	-	-	-	-	17.068.700,70	-	-	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ	(38.268.852,36)	-	-	-	-	-	-	(22.549.501,61)	-	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	(2.854.816,96)	(21.965,70)	(12.954,69)	-	-	(1.257.092,30)	(12.294,48)	(1.991.286,13)	(19.744,07)	(33.242,52)	-	(409,42)	(6.096.035,30)	-
Các khoản phải trả khác	(11.560.266,96)	-	(196.210,76)	-	-	-	-	(8.382.167,13)	-	(40.463,05)	-	-	-	(300,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(30.697.176,15)	(20.883,19)	12.481.477,42	1.340.627,14	-	(1.257.092,30)	1.174.445,71	(10.107.639,37)	(18.662,03)	12.055.799,20	1.696.625,16	(409,42)	(6.096.035,30)	1.183.097,50

Trương Nhu Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP
VĂN CHUYỀN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP
VĂN CHUYỀN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH